

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản số: 51/2019/ HNGĐ- ST
Ngày: 27/05/2019
Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH T

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thiện Nhân.
2. Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 05 năm 2019, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 04 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2019/QĐST-DS, ngày 07 tháng 05 năm 2019. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị G**, sinh năm 1986 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thạnh P, huyện B, tỉnh T.

Bị đơn: **Lê Tấn H**, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 6, xã Thạnh P, huyện B, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14 tháng 08 năm 2018 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị G trình bày:

Chị cùng anh Lê Tấn H tự nguyện kết hôn vào năm 2003 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh P, huyện B, tỉnh T vào năm 2004. Quá trình sống chung vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 06 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh H ghen tuông vô cớ, anh H có hành vi mắng chửi và dần dần vợ chồng mất đi tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 6 năm 2016 cho đến ngày nay.

Vì vậy, tại phiên tòa hôm nay chị Nguyễn Thị G yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Lê Tấn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con tên Lê Minh Duy, sinh ngày 22/02/2004 và Lê Minh Kh, sinh ngày 25/2/2011. Hiện tại con chung do chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng nên khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền 35.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Tấn H nhưng anh H không đến nên Tòa án không thu thập được lời khai của bị đơn.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và thực hiện đúng theo Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm.

Nguyên đơn thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện tốt quyền, nghĩa vụ của đương sự theo luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Chị G và anh H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn theo luật định. Trong thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, đã sống ly thân 4 năm. Do đó, chị G xin ly hôn với anh H là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị G.

Về con chung thì hai con chung do chị G trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng sống với chị G nên đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao cho chị G được quyền nuôi con chung.

Ghi nhận chị G nuôi con không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Ngân hàng chính sách xã hội huyện B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét trong cùng vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ giấy xác nhận của công an xã Thạnh P ngày 14/08/2018 (bl 03) đã xác nhận anh Lê Tấn H có đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp Phước Hòa xã Thạnh P, huyện B, tỉnh T. Đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị G đã ghi đúng và đầy đủ địa chỉ của bị đơn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Tấn H, đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử nhưng anh Lê Tấn H không có mặt. Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ là đúng quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G và anh Lê Tấn H kết hôn với nhau vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ tháng 06 năm 2016 đến ngày nay thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, đã sống ly thân, vợ chồng không thể hàn gắn được, mỗi người ai cũng có cuộc sống riêng và không quan tâm đến nhau, đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị G và anh H là rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị G xin ly hôn với anh Lê Tấn H là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Tại biên bản lấy ý kiến của cháu Lê Minh Khánh, Lê Minh D (bl 24,25) thì cháu D, cháu Kh có nguyện vọng sống với chị Nguyễn Thị

G.

Xét thấy: Xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của con chưa thành niên nên giao hai con chung của vợ chồng chị G và anh H cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị G nuôi con không yêu cầu anh Lê Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy: Đây là quyền quyết định và định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Tại đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa chị G khai vợ chồng còn nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện B số tiền vay 35.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ chung trên. Thấy rằng:

Ngày 03/04/2019 Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo số 30/TB-TA ngày 02/04/2019 cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện B về số nợ mà chị Nguyễn Thị G có yêu cầu Tòa án giải quyết (bl 46,47). Tuy nhiên, quá thời hạn thông báo trên mà Ngân hàng chính sách xã hội huyện B không có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ trên. Do đó, Tòa án không xem xét yêu cầu này của chị G trong cùng vụ kiện này mà sẽ giải quyết thành một vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị G phải chịu án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội Nghị quyết quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị G và anh Lê Tấn H.

2/ Về con chung:

Giao con chung tên Lê Minh Kh và Lê Minh D cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị G nuôi con không yêu cầu anh Lê Tấn H phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Tấn H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Lê Tấn H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Không có.

4/ Về nợ chung: Chủ nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị G đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0020980 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh T. Vậy, chị G đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Tấn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T (Phòng KTNV& THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã Thạnh P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Loan

